SUY THAI TRONG CHUYỂN DẠ

- **Điều trị**
  - **Dự phòng**
    - Trước chuyển dạ
      - Thai suy dd
      - Thai già tháng
      - Khung chậu bất thường
    - Trong chuyển dạ
      - Theo dõi cẩn thận
      - Nghiêng trái
      - Làm sản phụ dỡ đau, lo
      - Điều chỉnh CCTC bất thường
  - **Suy thai**
    - Nội khoa
      - Thuốc giảm co
      - Hồi phục cân bằng nội môi thai
        - Kiềm hoá
          - Glucose ưu trương (20%) tiêm TM
          - NaHCO3 ít hiệu quả, tăng CO2
          - THAM (trisaminoh)
        - Bàn cãi
        - Thở oxy
    - Sản khoa
      - Lấy thai
        - Đường trên
        - Đường dưới
      - Chấn bị hồi sức sơ sinh
- **Triệu chứng**
  - Nước ối lẫn phân su
    - Khi vỡ ối
    - Chủ động bằng soi ối
    - Suy thai quá khứ
      - Hoà tan đều
    - Mở đường cho nhiễm trùng
      - Hít phải phân su
  - Biến đổi tim thai
    - Bình thường 120-160
    - Suy thai
      - Nhịp tim nhanh
      - Nhịp tim chậm
      - Nhịp không đều
      - Cổ điển
        - Yếu, mờ, xa xăm
  - Nhịp tim thai cơ bản
    - Nhanh khi
      - Mẹ sốt
      - Mẹ dùng thuốc
        - Atropin
        - Betamimetic
      - Thai nhiễm trùng
      - Suy thai
    - Nhịp chậm kéo dài >3 phút
      - Nghĩ đến suy thai
  - Monitoring
    - Độ dao động của tim thai
      - O: dưới 5l/phút
        - Suy rất nặng
        - Ngủ
          - Kích thích mất
        - Thai vô sọ
        - Thai non tháng
        - Dị dạng tim
      - I: 6-10 l/phút
      - II: 11-25l/phút
      - III: >25l/phút
    - Tim thai với CCTC
      - Dịp I chậm sớm
        - Trong vòng 20s sau cơn co
        - Cơ chế phản xạ đầu bị chèn ép
      - Chậm muộn dịp II
        - Sau cơn co 20-60s
        - Thiếu O2 do CCTC
      - Chậm biến đổi
        - Dây rốn bị chèn ép
  - Vi định lượng pH máu thai
    - Chẩn đoán chính xác
    - Bình thường
      - pH >7,25
      - pCO2<60
      - pO2>15
      - BE>8 mEq
      - pH 7,20-7,25
        - Ranh giới
      - <7,20
        - Thai suy
    - Đánh giá được mức độ suy thai
- **Nguyên nhân**
  - Cơn co TC bất thường
    - Nguyên phát/thứ phát
    - Tăng tần số
    - Tăng cường độ
    - Tăng cả hai
  - Chuyển dạ kéo dài bất thường
    - CTC không mở/mở chậm
    - Thường gặp ở ngôi chỏm
      - Kiểu thế sau
      - Đầu cúi không tốt
  - Còn lại
    - Mẹ
      - Cung cấp máu hồ huyết ko đủ
        - Mạn tính
          - Nhiễm độc thai nghén
          - Thai già tháng
          - Huyết áp cao
        - Cấp tính
          - Choáng
            - Rau tiền đạo
            - Rau bong non
          - Tụt HA
            - Nằm ngửa
            - Quá liều hạ áp
            - Choáng do giảm dẫn
      - Độ bão hoà O2 không đủ
        - Thiếu máu mãn tính
        - Bệnh phổi
        - Bệnh tim nặng
      - Phần phụ
        - Bánh rau
          - Rau bong non
          - U mạch màng đệm
        - Dây rốn
          - Sa dây rốn
          - Thắt nút
          - Quấn
          - Bất thường giải phẫu
    - Thai
      - Yếu
        - Non tháng
        - Già tháng
        - Suy dinh dưỡng
        - Thiếu máu
        - Nhiễm trùng
- **Sinh lý bệnh**
  - Là hậu quả rối loạn trao đổi khí mẹ con
  - Tuần hoàn hồ huyết
    - Động mạch xoắn
      - Độc lập
      - Không đồng thời
      - Áp lực 75-80 mmHg
    - Áp lực máu TB đến hồ huyết 25mmHg
    - Áp lực máu giữa các gai rau: 10mmHg
    - Áp lực tĩnh mạch 3-8mmHg
    - Thể tích hồ huyết 150-250ml
    - Lưu lượng máu mẹ 135+/- 47ml/phút/100g rau
  - Yếu tố thay đổi
    - Cơn co tử cung
      - Ban đầu
        - Gián đoạn tuần hoàn TM
          - Máu dồn lại trong hồ huyết
      - Áp lực cơn co 30-55mmHg
        - Tuần hoàn động mạch ngừng
      - Thường ngừng 10-20s
        - Thai chịu đựng tốt
      - Giảm nhẹ lưu lượng hồ huyết
    - Huyết áp
      - Tụt vừa phải
      - Tụt đến ngưỡng
        - LL hồ huyết tụt đột ngột
          - Do co mạch
    - Thay đổi tư thế
      - Nằm ngửa
        - Hiệu ứng Poseiro
          - Tử cung chèn ép
            - Động mạch chủ
            - Động mạch chậu gốc phải
            - Tĩnh mạch chủ dưới
        - Hậu quả tuỳ mức độ phát triển tuần hoàn bàng hệ cạnh cột sống
          - Tốt: không tụt huyết áp
          - Không tốt
            - Tụt huyết áp
            - Co mạch ngoại vi
    - Chảy máu mẹ
      - Trên động vật
        - Chảy nhanh 15% V
          - Giảm áp lực động mạch 10%
          - Giảm lưu lượng hồ huyết 20%
        - Chảy 30% V
          - Giảm 65% lưu lượng hồ huyết
    - Thay đổi khí máu mẹ
      - Mẹ thiếu oxy
        - Co thắt ĐM TC
          - Giảm máu đến hồ huyết
  - Tuần hoàn gai rau
    - Máu thai qua rau 500ml/phút
    - Lưu lượng máu dây rốn
      - 180-200ml/phút/kg
      - 40% cung lượng tim thai cuối tk thai nghén
  - Các yếu tố thay đổi TH gai rau
    - Sinh lý
      - Áp lực động mạch
        - Tăng 1mmHg-> tăng lưu lượng rốn 6ml/phút/kg
      - Tim thai
        - Tăng 1l/phút-> tăng LL rốn 1ml/phút/kg
    - Khí máu
      - Thiếu oxy nhẹ
        - Co mạch toàn thân
        - Tăng huyết áp ĐM
        - Tăng lưu lượng rốn
      - Thiếu oxy kéo dài
      - Tim thai rất chậm
        - Giảm lưu lượng máu dây rốn
    - Thuốc
      - Dây rốn không có thần kinh
      - Thông qua tác động toàn thân
- **Thích ứng của thai**
  - Chuyển hoá
    - Chuyển hoá yếm khí glucose
      - Sử dụng đến glycogen
        - Phong phú hơn ở thai non tháng
      - Tạo ra acid lactic
        - Toan chuyển hoá
          - + gộp với toan HH ở động CO2
    - Thai sử dụng hệ đệm hemoglobin
      - Hiệu ứng Bohr
        - Oxy dễ được giải phóng
      - Hemoglobin+H duy trì pH
      - Bão hoà
        - pH tụt đột ngột
  - Tim mạch
    - Có hệ men CH yếm khí
      - Thích ứng tốt với thiếu O2
    - Biến đổi
      - Nhịp chậm
      - Thời gian tâm trương dài ra
      - Máu về thất trái nhiều hơn
      - Tần số TH tim nhanh
      - Phân bố lại tuần hoàn
        - Co động mạch phổi, ống ĐM
        - Nuôi cơ quan quan trọng
          - Não
            - Tiêu thụ O2 gấp 1,5 người lớn
            - Lưu biến thần não
  - Khác
    - Thận
      - Giảm bài tiết nước tiểu
      - Nặng: tổn thương nhu mô
    - Ruột
      - Tăng nhu động
      - Giãn cơ thắt hậu môn
      - Ỉa phân su
    - Mạc treo ruột
      - Viêm ruột hoại tử sau đẻ
    - Gan
      - Vàng da sớm
      - Rối loạn đông máu
    - Phổi
      - Co mạch
        - HC tồn tại tuần hoàn thai ở trẻ ss
    - Da
      - Co mạch
        - Bong da
    - Tổ chức
      - Giải phóng men
        - Một số liên quan não